

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 110/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 02-11-2021

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Văn Thanh;

- Ông Nguyễn Văn Tư.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Luận - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 02 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị K, sinh năm 1984; cư trú tại: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn H, sinh năm 1987; cư trú tại: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn, chị Lê Thị K trình bày:

Chị và anh Trần Văn H tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, quen biết nhau khi chị và anh H cùng đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh, hai bên có tổ chức đám cưới và bắt đầu chung sống vợ chồng từ năm 2011, đến ngày 15-3-2012 thì tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Sau khi cưới, vợ chồng nghỉ làm ở Thành phố Hồ Chí Minh về ấp 6, xã T chung sống hạnh phúc, đến khi chị sinh con được một năm (Khoảng giữa năm 2013) thì anh H nói chị đi làm nhưng lại bỏ nhà đi và chị cũng không biết đi đâu, làm gì. Đến năm 2017, anh H có về thăm con nhưng vợ chồng không nói chuyện với nhau. Thăm con được 04 – 05 ngày thì anh H lại tiếp tục bỏ đi cho

đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng và không thể khắc phục được nên chị đã lập gia đình mới nên yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Trần Lê Minh S, sinh ngày 14-7-2012. Chị là người trực tiếp nuôi cháu S từ trước đến nay nên yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, dù anh Trần Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, bản sao các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp nhưng anh H không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị K, vắng mặt trong các phiên họp và tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, chị Lê Thị K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Lê Thị K và anh Trần Văn H tranh chấp về ly hôn; anh H cư trú tại ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

[2] Bị đơn, anh Trần Văn H không có đơn xin xét xử vắng mặt, đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh H.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa chị Lê Thị K và anh Trần Văn H là hợp pháp vì có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 1*, ngày 15-3-2012. Sau khi đám cưới vào năm 2011, vợ chồng sống hạnh phúc được đến năm 2013 thì anh H bỏ mặc chị K cho đến nay, việc anh H đi đâu, làm gì chị K không biết. Theo chị K thì anh H có về thăm con khoảng 04-05 ngày vào năm 2017 nhưng sau đó lại tiếp tục bỏ đi cho đến nay, không còn liên lạc gì với chị K. Điều đó đã cho thấy anh H đã không còn quan tâm đến vợ con, chị K thì cũng đã lập gia đình mới nên không có khả năng hàn gắn. Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”* và *“vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau”*. Qua đó, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa chị K và anh H đã không còn tình nghĩa vợ chồng, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung

không còn nên mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị K là có căn cứ.

[4] Về con chung: Giữa chị K và anh H có 01 con chung là cháu Trần Lê Minh S, sinh ngày 14-7-2012 từ trước đến nay do chị K là người nuôi dưỡng. Chị K yêu cầu được tiếp tục nuôi con, cháu S có nguyện vọng được sống với mẹ, anh H không có ý kiến gì. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết giao cháu S cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh H không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6] Về án phí: Chị Lê Thị K là nguyên đơn khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị K. Cho chị Lê Thị K được ly hôn với anh Trần Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Lê Minh S, sinh ngày 14-7-2012 cho chị Lê Thị K là người trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Anh Trần Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị K chưa yêu cầu. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị K phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000**30 ngày 25-02-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, nên xem như đã thi hành xong.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của anh Trần Văn H là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Anh Thực